
(Đề thi có 03 trang)

Họ và tên:

Số báo danh:

Mã đề 8101

PHẦN A. TRẮC NGHIỆM KHÁCH QUAN (7,0 ĐIỂM)

I. Câu trắc nghiệm nhiều lựa chọn. (3 điểm)

Học sinh trả lời từ câu 1 đến câu 12. Mỗi câu hỏi học sinh chỉ chọn 1 phương án.

Câu 1. Nội dung nào sau đây **không** đúng khi nói về vai trò của lâm nghiệp đối với đời sống con người?

- A. Cung cấp nguyên liệu cho công nghiệp, nông nghiệp, xây dựng cơ bản.
- B. Tạo công ăn việc làm, giúp ổn định đời sống của đồng bào các dân tộc miền núi.
- C. Cung cấp nguồn thức ăn phục vụ phát triển chăn nuôi.
- D. Là nơi sinh hoạt tín ngưỡng của các dân tộc thiểu số.

Câu 2. Khi nói về đặc trưng cơ bản của sản xuất lâm nghiệp, phát biểu nào dưới đây là **không** đúng?

- A. Đối tượng là cây rừng có thời gian sinh trưởng dài
- B. Sản xuất lâm nghiệp mang tính thời vụ cao.
- C. Phát triển bền vững các loài cây trồng bản địa
- D. Ngành sản xuất đa dạng sản phẩm và có nhiều lợi ích đặc thù

Câu 3. Cho các hoạt động như sau:

- (1) Quản lý rừng. (2) Trồng rừng. (3) Chăm sóc rừng.
- (4) Phát triển rừng. (5) Sử dụng rừng. (6) Chế biến và thương mại lâm sản.

Có bao nhiêu hoạt động lâm nghiệp cơ bản ?

- A. 2. B. 3. C. 4. D. 5.

Câu 4. Hoạt động nào sau đây là một trong những nguyên nhân chủ yếu làm suy thoái tài nguyên rừng?

- A. Nhà nước giao rừng cho các tổ chức, hộ gia đình, cá nhân.
- B. Lập quy hoạch, kế hoạch bảo vệ và phát triển rừng.
- C. Nhà nước cho các tổ chức, hộ gia đình, cá nhân thuê rừng để sản xuất lâm nghiệp.
- D. Tăng cường khai thác gỗ và các sản phẩm khác từ rừng để phát triển kinh tế.

Câu 5. Việc xây dựng các khu bảo tồn, vườn quốc gia có tác động như thế nào đối với các loài động vật, thực vật rừng quý hiếm?

- A. Tạo môi trường thuận lợi cho sự sống và phát triển của các loài động vật, thực vật rừng quý hiếm.
- B. Làm giảm diện tích rừng dẫn đến giảm khu vực sống của các loài động vật, thực vật rừng quý hiếm.
- C. Giúp ngăn chặn các hành vi mua bán, vận chuyển các loài động vật, thực vật rừng quý hiếm.
- D. Nâng cao giá trị của các loài động vật, thực vật rừng quý hiếm.

Câu 6. Sinh trưởng của cây rừng được hiểu là

- A. sự tăng về kích thước của cây rừng, bao gồm chiều cao, đường kính thân và thể tích cây.
- B. sự sinh trưởng tăng lên về số lượng các cơ quan, các bộ phận sinh sản như hoa và quả.
- C. sự thay đổi màu sắc, số lượng của lá trong mùa đông.
- D. sự thay đổi của các cơ quan trong bộ rễ để hấp thụ nước.

Câu 7. Thời vụ trồng rừng thích hợp miền Bắc nước ta là

- A. mùa xuân hoặc xuân hè (từ tháng 2 đến tháng 7). B. mùa mưa (từ tháng 9 đến tháng 12).
- C. mùa đông (từ tháng 11 đến tháng 1 năm sau) D. mùa hè (từ tháng 5 đến tháng 7).

Câu 8. Phát biểu nào sau đây về kỹ thuật tia canh chăm sóc rừng là **đúng**?

- A. Khi tia canh chỉ cắt bỏ 1/2 đoạn cành không đạt yêu cầu.
- B. Thời điểm tia canh nên vào mùa mưa để không ảnh hưởng tới cây trồng.
- C. Tia canh là loại bỏ các cành già phía dưới tán, có hiệu suất quang hợp kém.
- D. Chỉ tia canh duy nhất 1 lần với cây rừng để không ảnh hưởng tới quá trình sinh trưởng và phát triển của cây rừng.

Câu 9. Nội dung nào sau đây đúng khi nói về khai thác trắng ở nước ta?

- A. Không hạn chế số lần khai thác.
- B. Thường áp dụng đối với rừng phòng hộ và rừng đặc dụng.
- C. Không áp dụng ở những nơi có độ dốc cao, lượng mưa nhiều.
- D. Ưu tiên khai thác những cây đã thành thực.

Câu 10. Các loài thủy sản được phân loại dựa vào các tiêu chí nào?

- A. Nguồn gốc và đặc tính sinh sản.
- B. Nguồn gốc và đặc tính sinh vật học.
- C. Thức ăn và môi trường sống.
- D. Nơi sinh sống và loại thức ăn.

Câu 11. Loài nào sau đây thuộc nhóm thủy sản bản địa?

- A. Cá chép, cá tra, ếch đồng, cá tầm.
- B. Cá hồi vân, cá chép, cá tra, ếch đồng.
- C. Cá chép, cá rô đồng, ếch đồng, cá diếc.
- D. Cá chép, cá tra, cá tầm, cá nheo Mĩ.

Câu 12. Khi nói về quản lý môi trường nuôi thủy sản. Phát biểu nào dưới đây *không* đúng?

- A. Quản lý nguồn nước trước khi nuôi.
- B. Quản lý nguồn nước sau khi nuôi.
- C. Quản lý nguồn nước trong quá trình nuôi.
- D. Không cần phải quản lý nguồn nước

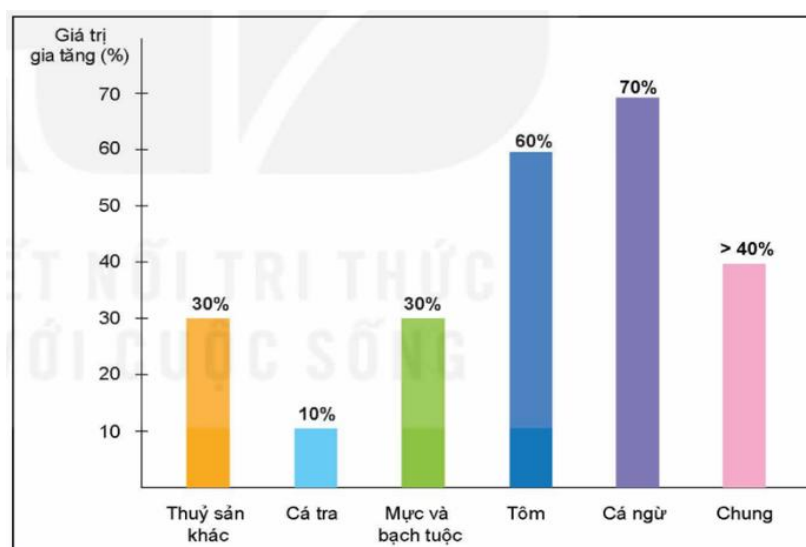
II. Câu trắc nghiệm dạng Đúng/Sai. (4 điểm)

Học sinh trả lời từ câu 1 đến câu 2. Trong mỗi ý a), b), c), d) ở mỗi câu học sinh chọn đúng hoặc sai.

Câu 1. Khi được giao nhiệm vụ tìm hiểu về nhiệm vụ, thực trạng của việc bảo vệ và khai thác rừng tại địa phương, một nhóm học sinh đã đưa ra kết luận như sau:

- a) Nhiệm vụ bảo vệ rừng là của toàn dân, của chủ rừng và của ủy ban nhân dân các cấp.
- b) Khai thác rừng tùy theo nhu cầu của người khai thác và theo nhu cầu của khách hàng.
- c) Ý thức bảo vệ và khai thác rừng của người dân ngày càng được nâng cao, nạn chặt phá và khai thác rừng trái quy định ngày càng giảm.
- d) Mỗi cá nhân tích cực tham gia trồng cây gây rừng, nâng cao ý thức phòng chống cháy rừng, đồng thời chung tay xây dựng và bảo vệ các khu bảo tồn thiên nhiên, qua đó góp phần giữ gìn hệ sinh thái và phát triển bền vững

Câu 2. Dựa vào biểu đồ mục tiêu tăng trưởng giá trị xuất khẩu sản phẩm thủy sản chế biến đến năm 2030 dưới đây. Hãy cho biết các nhận định sau đúng hay sai?



Hình 8.4. Mục tiêu tăng trưởng giá trị xuất khẩu sản phẩm thủy sản chế biến đến năm 2030

Nguồn: Đề án phát triển ngành Chế biến thủy sản giai đoạn 2021 – 2030.

- a) Cá tra có giá trị gia tăng thấp nhất, chiếm 10%.
- b) Tôm có giá trị gia tăng cao hơn mực và bạch tuộc.
- c) Giá trị gia tăng trung bình của các nhóm thủy sản đều trên 50%.
- d) Để tăng giá trị xuất khẩu thủy sản, cần chú trọng phát triển các mặt hàng có tỷ lệ gia tăng cao như cá ngừ và tôm.

Câu 3. Một nhóm học sinh được giao nhiệm vụ thuyết trình về chủ đề “Phân loại các nhóm thủy sản”. Trước khi báo cáo, nhóm đã thảo luận để thống nhất một số nội dung còn vướng mắc. Sau đây là một số ý kiến:

- a) Thủy sản bản địa là những loài thủy sản có nguồn gốc và phân bố trong môi trường tự nhiên tại Việt Nam.
- b) Những loài thủy sản có thức ăn là cả động vật, thực vật và mùn bã hữu cơ như cá rô phi là nhóm thủy sản ăn động vật.
- c) Khi dựa vào đặc điểm cấu tạo, thủy sản không chỉ có 1 nhóm mà được phân loại thành 3 nhóm là nhóm cá, nhóm bò sát, nhóm nhuyễn thể.
- d) Ở Việt Nam muốn nuôi cá hồi vân để phát triển kinh tế thì cần có biện pháp tạo môi trường nước lạnh nhân tạo phù hợp, nếu không loài này khó sống và phát triển.

Câu 4. Cho bảng về yêu cầu độ mặn của một số loài thủy sản:

St t	Loài thủy sản	Khoảng độ mặn giới hạn (‰)	Khoảng độ mặn thích hợp (‰)
1	Cá rô phi	0 – 30	0 – 5
2	Cá song	5 – 50	20 – 30
3	Cá trắm đen	0 – 13	0 – 3
4	Tôm thẻ chân trắng	0 – 40	10 – 25

Nguồn: Kim Văn Vạn &cs, năm 2020

Nhóm học sinh đưa ra các nhận định sau đây. Hãy cho biết nhận định nào đúng hay sai?

- a) Cá song có thể chịu được độ mặn lên đến 50‰, cao hơn so với cá rô phi.
- b) Cá trắm đen có thể phát triển tốt trong môi trường nước lợ với độ mặn 10‰ vì nằm trong khoảng giới hạn của loài.
- c) Người nuôi có thể sử dụng hệ thống giám sát độ mặn để đảm bảo môi trường ao nuôi tôm thẻ chân trắng luôn trong khoảng 10 – 25‰ nhằm tối ưu hóa sự phát triển.
- d) Trong trường hợp nước ao nuôi cá rô phi bị xâm nhập mặn lên đến 20‰, hệ thống điều chỉnh tự động có thể pha loãng nước để đưa độ mặn về mức thích hợp từ 0 – 5‰

PHẦN B. TỰ LUẬN (3,0 ĐIỂM).

Câu 1 (1,0 điểm): Tại sao cần thực hiện các hoạt động như làm cỏ, chặt bỏ cây dại, tỉa cành, tỉa thưa, bón phân và tưới nước... khi thực hiện chăm sóc cây rừng?

Câu 2 (1,0 điểm): Phân tích xu hướng phát triển thủy sản ở Việt Nam.

Câu 3 (1,0 điểm): Phân tích những biểu hiện của cá khi môi trường nuôi bị thiếu oxygen hòa tan.

.....Hết.....

Ghi chú : Cán bộ coi thi không giải thích gì thêm.

(Đề thi có 03 trang)

Họ và tên:

Số báo danh:

Mã đề 8102

PHẦN A. TRẮC NGHIỆM KHÁCH QUAN (7,0 ĐIỂM)

I. Câu trắc nghiệm nhiều lựa chọn. (3 điểm)

Học sinh trả lời từ câu 1 đến câu 12. Mỗi câu hỏi học sinh chỉ chọn 1 phương án.

Câu 1. Nhận định nào dưới đây **không** phải là triển vọng của ngành lâm nghiệp?

- A. Phát triển các khu công nghiệp hỗ trợ cho việc sản xuất lâm sản
- B. Phát triển để thực hiện chức năng xã hội của rừng
- C. Phát triển bền vững các loài cây trồng bản địa
- D. Phát triển các khu chế biến và thương mại lâm sản

Câu 2. Nội dung nào sau đây là đúng khi nói về sản phẩm và lợi ích của sản xuất lâm nghiệp?

- A. Sản phẩm ít đa dạng và chỉ có lợi ích kinh tế.
- B. Sản phẩm đa dạng và chỉ có lợi ích kinh tế.
- C. Sản phẩm đa dạng và có nhiều lợi ích đặc thù.
- D. Sản phẩm ít đa dạng và có nhiều lợi ích đặc thù.

Câu 3. Nội dung nào dưới đây không thuộc những hoạt động lâm nghiệp cơ bản?

- A. Bảo vệ rừng.
- B. Bảo vệ rừng
- C. Chế biến và thương mại lâm sản
- D. Đốt rừng làm rẫy.

Câu 4. Nội dung nào sau đây là một trong những nguyên nhân chủ yếu làm suy thoái tài nguyên rừng?

- A. Kiểm soát suy thoái động vật, thực vật rừng hoang dã quý hiếm.
- B. Lập quy hoạch, kế hoạch bảo vệ và phát triển rừng.
- C. Phá rừng trồng cây công nghiệp và cây đặc sản.
- D. Kiểm soát từng loại rừng thông qua những quy chế pháp lí riêng.

Câu 5. Tại sao các sản phẩm từ rừng sinh thái như dược liệu và mật ong được coi là đặc thù của ngành lâm nghiệp?

- A. Vì chúng giúp gia tăng sản lượng khai thác gỗ
- B. Vì chúng cung cấp giá trị kinh tế khác ngoài gỗ và đồng thời bảo vệ môi trường sinh thái
- C. Vì chúng giúp rừng phục hồi nhanh hơn
- D. Vì chúng giúp giảm chi phí khai thác

Câu 6. Nội dung nào sau đây đúng khi nói về sinh trưởng và phát triển của cây rừng?

- A. Sinh trưởng thường diễn ra vào ban ngày, phát triển thường diễn ra vào ban đêm.
- B. Phát triển diễn ra chủ yếu ở giai đoạn cây còn non.
- C. Sinh trưởng tích lũy vật chất làm điều kiện để cây phát triển.
- D. Phát triển là những biểu hiện cụ thể của quá trình sinh trưởng.

Câu 7. Thời vụ trồng rừng thích hợp ở miền Trung nước ta là

- A. mùa xuân (từ tháng 2 đến tháng 4).
- B. mùa mưa (từ tháng 9 đến tháng 12).
- C. mùa hè (từ tháng 5 đến tháng 7).
- D. mùa đông (từ tháng 11 đến tháng 1 năm sau).

Câu 8. Trong hoạt động chăm sóc rừng, các công việc “tỉa cành, tỉa thưa” nhằm mục đích nào sau đây?

- A. Hạn chế sự cạnh tranh dinh dưỡng của cây đại với cây rừng.
- B. Hạn chế sự sinh trưởng, phát triển của cây đại.
- C. Tạo không gian thuận lợi cho quá trình sinh trưởng của cây rừng.
- D. Giúp cây rừng nâng cao sức đề kháng, tăng sức khả năng chống chịu sâu, bệnh hại.

Câu 9. Hình thức nào dưới đây **không** phải là phương thức khai thác rừng?

A. Khai thác trắng B. Khai thác dần C. Khai thác chọn D. Khai thác tập trung

Câu 10. Cho các nhận định về vai trò của thủy sản như sau:

- (1) Cung cấp thực phẩm cho tiêu dùng trong nước và xuất khẩu.
- (2) Phát triển kinh tế, tạo công ăn việc làm cho người lao động.
- (3) Cung cấp thịt, cá, trứng, sữa cho con người.
- (4) Đảm bảo an ninh quốc phòng và chủ quyền biển đảo.
- (5) Cung cấp nguyên liệu cho chế biến xuất khẩu.

Có bao nhiêu nhận định đúng về vai trò của thủy sản ?

A. 4. B. 3. C. 2. D. 1.

Câu 11. Cá tầm, cá hồi vân thuộc nhóm thủy sản nào sau đây?

- A. Thủy sản bản địa. B. Thủy sản nhập nội.
- C. Thủy sản nhập khẩu. D. Thủy sản xuất khẩu.

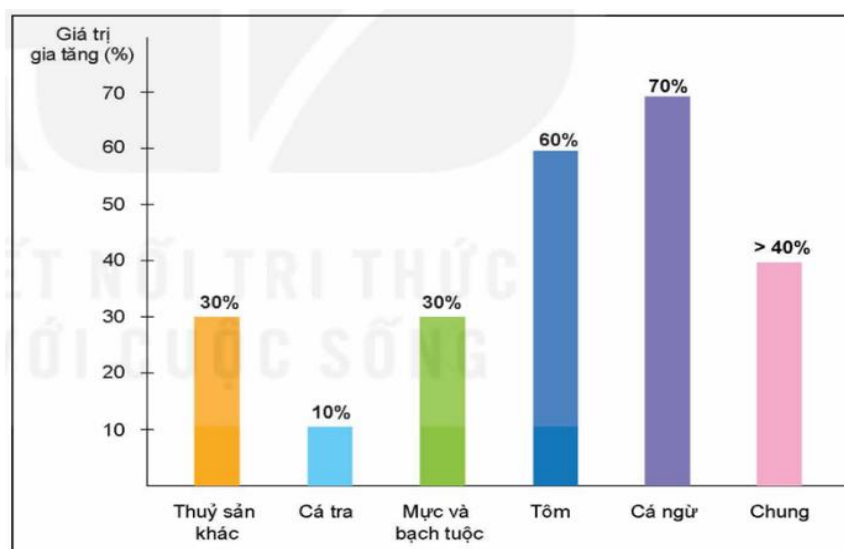
Câu 12. Phát biểu nào không đúng khi nói về vai trò của việc quản lý môi trường nuôi thủy sản?

- A. Duy trì điều kiện sống ổn định, phù hợp cho động vật thủy sản sinh trưởng phát triển.
- B. Tăng cường sự phát sinh ô nhiễm môi trường trên diện rộng.
- C. Giảm chi phí xử lý ô nhiễm môi trường trong nuôi thủy sản.
- D. Đảm bảo các thông số môi trường trong khoảng phù hợp cho từng đối tượng nuôi

II. Câu trắc nghiệm dạng Đúng/Sai. (2 điểm)

Học sinh trả lời từ câu 1 đến câu 2. Trong mỗi ý a), b), c), d) ở mỗi câu học sinh chọn đúng hoặc sai.

Câu 1. Dựa vào biểu đồ mục tiêu tăng trưởng giá trị xuất khẩu sản phẩm thủy sản chế biến đến năm 2030 dưới đây. Hãy cho biết các nhận định sau đúng hay sai?



Hình 8.4. Mục tiêu tăng trưởng giá trị xuất khẩu sản phẩm thủy sản chế biến đến năm 2030

Nguồn: Đề án phát triển ngành Chế biến thủy sản giai đoạn 2021 – 2030.

- a) Cá tra có giá trị gia tăng thấp nhất, chiếm 10%.
- b) Tôm có giá trị gia tăng cao hơn mực và bạch tuộc.
- c) Giá trị gia tăng trung bình của các nhóm thủy sản đều trên 50%.
- d) Để tăng giá trị xuất khẩu thủy sản, cần chú trọng phát triển các mặt hàng có tỷ lệ gia tăng cao như cá ngừ và tôm.

Câu 2. Một nhóm học sinh được giao nhiệm vụ thuyết trình về chủ đề “Phân loại các nhóm thủy sản”. Trước khi báo cáo, nhóm đã thảo luận để thống nhất một số nội dung còn vướng mắc. Sau đây là một số ý kiến:

- a) Thủy sản bản địa là những loài thủy sản có nguồn gốc và phân bố trong môi trường tự nhiên tại Việt Nam.
- b) Những loài thủy sản có thức ăn là cả động vật, thực vật và mùn bã hữu cơ như cá rô phi là nhóm thủy sản ăn động vật.

c) Khi dựa vào đặc điểm cấu tạo, thủy sản không chỉ có 1 nhóm mà được phân loại thành 3 nhóm là nhóm cá, nhóm bò sát, nhóm nhuyễn thể.

d) Ở Việt Nam muốn nuôi cá hồi vân để phát triển kinh tế thì cần có biện pháp tạo môi trường nước lạnh nhân tạo phù hợp, nếu không loài này khó sống và phát triển.

Câu 3. Bảng dưới đây thể hiện khoảng nhiệt độ giới hạn của một số loài động vật thủy sản phổ biến. Quan sát thông tin ở bảng, cho biết mỗi nhận định sau Đúng hay Sai?

Stt	Loài thủy sản	Khoảng nhiệt độ giới hạn (°C)	Khoảng nhiệt độ thích hợp (°C)
1	Cá rô phi	10 – 39	25 – 30
2	Cá chép	4 – 35	23 – 28
3	Cá tầm	5 – 31	18 – 25
4	Tôm càng xanh	22 – 33	28 – 30
5	Cua biển	18 – 32	25 – 29

a) Mỗi loài thủy sản có yêu cầu về nhiệt độ môi trường nuôi như nhau.

b) Khoảng nhiệt độ phù hợp để nuôi các loài cá vùng nhiệt đới là từ 25 đến 30°C.

c) Quảng Nam và Đà Nẵng là vùng **không** thuận lợi để nuôi cá tầm.

d) Tôm càng xanh có ngưỡng chịu nhiệt lớn nhất.

Câu 4. Khi được giao nhiệm vụ tìm hiểu về nhiệm vụ, thực trạng của việc bảo vệ và khai thác rừng tại địa phương, một nhóm học sinh đã đưa ra kết luận như sau:

a) Nhiệm vụ bảo vệ rừng là của toàn dân, của chủ rừng và của ủy ban nhân dân các cấp.

b) Khai thác rừng tùy theo nhu cầu của người khai thác và theo nhu cầu của khách hàng.

c) Ý thức bảo vệ và khai thác rừng của người dân ngày càng được nâng cao, nạn chặt phá và khai thác rừng trái quy định ngày càng giảm.

d) Mỗi cá nhân tích cực tham gia trồng cây gây rừng, nâng cao ý thức phòng chống cháy rừng, đồng thời chung tay xây dựng và bảo vệ các khu bảo tồn thiên nhiên, qua đó góp phần giữ gìn hệ sinh thái và phát triển bền vững

PHẦN B. TỰ LUẬN (3,0 ĐIỂM).

Câu 1 (1,0 điểm): Tại sao cần thực hiện các hoạt động như làm cỏ, chặt bỏ cây dại, tỉa cành, tỉa thưa, bón phân và tưới nước... khi thực hiện chăm sóc cây rừng?

Câu 2 (1,0 điểm): Phân tích xu hướng phát triển thủy sản trên thế giới.

Câu 3 (1,0 điểm): Đề xuất một số biện pháp cung cấp oxygen hòa tan cho nước trong ao nuôi thủy sản.

.....Hết.....

Ghi chú: Cán bộ coi thi không giải thích gì thêm

ĐÁP ÁN VÀ HƯỚNG DẪN CHẤM
ĐỀ KIỂM TRA GIỮA HỌC KỲ I – MÔN CÔNG NGHỆ 12
NĂM HỌC 3035 -2025

Mã đề 8101

PHẦN I. TRẮC NGHIỆM NHIỀU LỰA CHỌN (3 điểm). Mỗi câu trả lời đúng được 0,25 điểm

Câu	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12
ĐA	C	C	C	D	A	A	A	C	C	B	C	D

PHẦN II. TRẮC NGHIỆM DẠNG ĐÚNG/SAI (4 điểm).

Câu		1	2	3	4
Đáp án	a)	Đ	Đ	Đ	Đ
	b)	S	Đ	S	S
	c)	Đ	S	S	Đ
	d)	Đ	Đ	Đ	Đ

PHẦN III. TỰ LUẬN (3 điểm)

Câu 1 (1,0 điểm): Tại sao cần thực hiện các hoạt động như làm cỏ, chặt bỏ cây dại, tỉa cành, tỉa thưa. Cần thực hiện các hoạt động như làm cỏ, chặt bỏ cây dại, tỉa cành, tỉa thưa, bón phân và tưới nước.. khi thực hiện chăm sóc cây rừng vì:

- Làm cỏ, chặt bỏ cây dại giúp giảm sự cạnh tranh dinh dưỡng, phòng ngừa sâu bệnh (0,25 điểm)
- Tỉa cành, tỉa thưa giúp cây tập trung dinh dưỡng vào thân chính, tạo ra gỗ có chất lượng tốt hơn, tạo điều kiện thông thoáng, hạn chế sự phát triển của sâu bệnh. (0,25 điểm)
- Bón phân: giúp bổ sung các chất cần thiết cho cây sinh trưởng và phát triển cho năng suất cao hơn. (0,25 điểm)

- Tưới nước: giúp cây có đủ nước để sinh trưởng, chống chịu tốt hơn với điều kiện khô hạn. các hoạt động chăm sóc cây rừng giúp: (0,25 điểm)

Từ đó, giúp cây Tăng trưởng nhanh và khỏe mạnh, phát triển tốt, cho năng suất cao, gỗ có chất lượng tốt, giá trị kinh tế cao hơn. (0,25 điểm)

(Chú ý: Đúng được 4 ý là cho 1 điểm)

Câu 2 (1,0 điểm): Phân tích xu hướng phát triển thủy sản ở Việt Nam.

- Xu hướng phát triển thủy sản ở Việt Nam:

- + Tăng cường ứng dụng công nghệ vào sản xuất. (0,25 điểm)
- + Phát triển nuôi trồng thủy sản thâm canh, ứng dụng công nghệ cao. (0,25 điểm)
- + Nâng cao chất lượng sản phẩm, đáp ứng tiêu chuẩn quốc tế. (0,25 điểm)
- + Mở rộng thị trường xuất khẩu, đa dạng hóa thị trường. (0,25 điểm)
- + Phát triển thủy sản gắn với bảo vệ môi trường, biến đổi khí hậu. (0,25 điểm)

(Chú ý: Đúng được 4 ý là cho 1 điểm)

Câu 3 (1,0 điểm): Phân tích những biểu hiện của cá khi môi trường nuôi bị thiếu oxygen hòa tan.

- + Bơi lờ đờ, mất thăng bằng, tập trung gần mặt nước. (0,25 điểm)
- + Hấp háy miệng, thở nhanh, ngoi lên mặt nước để lấy oxy. (0,25 điểm)
- + Da sẫm màu, có thể xuất hiện các đốm đỏ hoặc đen trên da. (0,25 điểm)
- + Mệt mỏi, biếng ăn, giảm tốc độ sinh trưởng. (0,25 điểm)
- + Chết hàng loạt nếu tình trạng thiếu oxy kéo dài. (0,25 điểm)

(Chú ý: Đúng được 4 ý là cho 1 điểm)

PHẦN I. TRẮC NGHIỆM NHIỀU LỰA CHỌN (3 điểm). Mỗi câu trả lời đúng được 0,25 điểm

Câu	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12
ĐA	A	C	D	C	B	C	B	C	D	A	B	B

PHẦN II. TRẮC NGHIỆM DẠNG ĐÚNG/SAI(4 điểm).

Câu		1	2	3	4
Đáp án	a)	Đ	Đ	S	Đ
	b)	Đ	S	Đ	S
	c)	S	S	Đ	Đ
	d)	Đ	Đ	S	Đ

PHẦN III. TỰ LUẬN (3 điểm).

Câu 1 (1,0 điểm): Tại sao cần thực hiện các hoạt động như làm cỏ, chặt bỏ cây dại, tỉa cành, tỉa cành thực hiện các hoạt động như làm cỏ, chặt bỏ cây dại, tỉa cành, tỉa thưa, bón phân và tưới nước.. khi thực hiện chăm sóc cây rừng vì:

- Làm cỏ, chặt bỏ cây dại giúp giảm sự cạnh tranh dinh dưỡng, phòng ngừa sâu bệnh (0,25 điểm)
- Tỉa cành, tỉa thưa giúp cây tập trung dinh dưỡng vào thân chính, tạo ra gỗ có chất lượng tốt hơn, tạo điều kiện thông thoáng, hạn chế sự phát triển của sâu bệnh. (0,25 điểm)
- Bón phân: giúp bổ sung các chất cần thiết cho cây sinh trưởng và phát triển cho năng suất cao hơn. (0,25 điểm)
- Tưới nước: giúp cây có đủ nước để sinh trưởng, chống chịu tốt hơn với điều kiện khô hạn.

các hoạt động chăm sóc cây rừng giúp: (0,25 điểm)

Từ đó, giúp cây Tăng trưởng nhanh và khỏe mạnh, phát triển tốt, cho năng suất cao, gỗ có chất lượng tốt, giá trị kinh tế cao hơn. (0,25 điểm)

(Chú ý: Đúng được 4 ý là cho 1 điểm)

Câu 2 (1,0 điểm): Phân tích xu hướng phát triển thủy sản trên thế giới.

- Xu hướng phát triển thủy sản trên thế giới:

- + Nuôi trồng thủy sản: Nuôi trồng thủy sản thâm canh, ứng dụng công nghệ cao; kết hợp với du lịch sinh thái; nuôi trồng thủy sản trong nhà kính, lồng bè. (0,25 điểm)
- + Đánh bắt thủy sản: Khai thác thủy sản bền vững, bảo vệ nguồn lợi thủy sản; áp dụng công nghệ hiện đại vào đánh bắt; giảm thiểu thiệt hại cho môi trường biển. (0,25 điểm)
- + Chế biến thủy sản: Chế biến sâu, nâng cao giá trị sản phẩm; đảm bảo an toàn vệ sinh thực phẩm; phát triển sản phẩm thủy sản tiện lợi, (0,5 điểm)

Câu 3 (1,0 điểm): Đề xuất một số biện pháp cung cấp oxygen hòa tan cho nước trong ao nuôi thủy sản.

- Tăng cường quá trình quang hợp của thực vật thủy sinh và vi khuẩn lam bằng cách: duy trì độ trong của nước. (0,25 điểm)
- Sử dụng các thiết bị tăng oxygen: máy quạt nước, máy thổi khí, máy bơm nước nhằm tạo dòng chảy trong ao, giúp phân tán oxygen đều khắp ao. (0,25 điểm)
- Sử dụng các chế phẩm sinh học: Giúp phân hủy chất hữu cơ, giảm lượng khí độc, cải thiện chất lượng nước. (0,25 điểm)
- Bổ sung các sản phẩm tăng oxygen. (0,25 điểm)

- Thường xuyên kiểm tra và xử lý chất lượng nước, cân đối mật độ nuôi phù hợp: Loại bỏ các chất hữu cơ dư thừa, giảm lượng khí độc, tránh tình trạng quá tải mật độ dẫn đến thiếu oxygen.

Biểu hiện của động vật khi môi trường bị thiếu oxygen hòa tan: (0,25 điểm)

(Chú ý: Đúng được 4 ý là cho 1 điểm)